

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						350 547	136 891	213 656			
1		CẢNG CHÍNH						56 908	11 069	45 839			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						9 259	9 210	49			
1		KDT MIỀN BẮC	13/10	2629/10	20/10	HP 5915	CÁM 1	2 280	2 261	19	15/10	TD	
2		KDT MIỀN BẮC	14/10	2651/10	21/10	HP 5806	CÁM 2A.1	4 000	3 979	21	15/10	TD	
3		KDT MIỀN BẮC	15/10	2656/10	22/10	HD 2558	CÁM 1	1 979	1 974	5	15/10	TD	
4		KDT HÀ NỘI	15/10	2655/10	22/10	BN 1997	CÁM 1	1 000	997	3	15/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						35 930	1 859	34 071			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/10	656/10	23/10	VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2		NHÓM LÂM ĐỒNG	15/10	2657/10		VIỆT THUẬN 11-06	CỤC 4A.2	4 300		4 300		HỘ LỚN	
3		NHÓM ĐẮK NÔNG	15/10	2658/10		VIỆT THUẬN 11-06	CÁM 5A.1	6 200		6 200		HỘ LỚN	
4		CP VINH THẮNG	14/10	2642/10	21/10	BN 0679	CỤC 5A.1	1 200	1 173	27	RÓT DỖ	TD	
5		XNK ANH KHOA	08/10	2508/10	15/10	BN 1883	CỤC XỎ 1C	1 230	685	545	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						11 719		11 719			
1		TRƯỜNG ANH 888	13/10	2528/10	20/10	BN 2615	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
2		VT & KDT	14/10	2559/10	21/10	NB 8707	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
3		THAN MIỀN TRUNG	08/10	2587/10	15/10	VIỆT TRUNG 69	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2600/10	17/10	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	Thay TBRT 2474/9
5		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	13/10	2624/10	20/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
6		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2621/10	20/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/10	2519/10	20/10	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 096		1 096		TD	GIA HẠN L1
8		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2630/10	20/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
9		XNK ANH KHOA	14/10	2469/10	21/10	BN 2665	CÁM 4B.1	2 430		2 430		TD	
		Tàu chuyển tải						139 250	78 390	60 860			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						93 450	78 390	15 060			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	641/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500	39 400	7 100	BỐC DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 26.500
2		XNK THAN	07/10	640/10		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 5A.1	11 650	11 500	150	BỐC DỖ	PTCR	TTHG: 23.650

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		XNK THAN	07/10	010/10		THÁI TRƯỜNG ANH 88	CÁM 5B.1	12 000	11 600	400	BỐC DỖ	PTCB	Thay TBRT 632/10
3		KDT MIỀN BẮC	09/10	646/10		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.1	11 500	8 640	2 860	BỐC DỖ	PTCB	TTHG 23.300
							CÁM 5B.1	11 800	7 250	4 550	BỐC DỖ		
Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)								45 800		45 800			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/10	652/10		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 2.800
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	15/10	659B/10		HẢI NAM 88	CÁM 5A.14	23 000		23 000		HỘ LỚN	KDTCP: 5.000 CLM: 18.000
II	KHO G9-HÓA CHẤT							38 271	14 301	23 970			
Tàu đã làm hàng								7 366	7 174	192			
1		KDT HÀ BẮC	14/10	2637/10	24/10	BN 2555	CÁM 7B	2 950	2 873	77	15/10	PTCB	NGUỒN CS
2		THÁI SƠN HP	14/10	2557B/10	21/10	HD 6299	CÁM 8A	498	498		15/10	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
							CÁM 8A	1 818	1 809	9			NGUỒN CS GIA HẠN L1
3		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 270		CỬA ÔNG 05	TNK-Mozambique	2 100	1 995	105	15/10		
Tàu dự kiến rót trong ngày								14 077	7 127	6 950			
1		KDT HÀ BẮC	14/10	2638/10	24/10	QN 8225	CÁM 7B	1 620	699	921	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN CS
2		HÀNG HẢI VIỆT NAM	11/10	2506/9	18/10	HD 9189	CÁM 8A	2 300	1 165	1 135	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
3		THÁI DƯƠNG STAR	12/10	2615/10	19/10	SG10252	CÁM 8A	2 676	2 024	652	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
4		MV ANDROS SPIRIT	10/10	5 215		QNL-TĐ 05	TNK-Mozambique	5 381	2 675	2 706	RÓT DỖ		
5		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 15	TNK-Mozambique	2 100	565	1 535	RÓT DỖ		
Tàu đã làm lệnh								16 828		16 828			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	08/10	2411/9	15/10	BN 2158	CỤC XỔ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2471/9	17/10	BN 2646	CỤC ĐƠN 8C	1 030		1 030		TD	NGUỒN HL
3		TRƯỜNG ANH 888	11/10	2612/10	18/10	VTT89 (QN 8757)	CÁM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
4		XNK THAN	14/10	2283/10	21/10	BN 0757	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L4
5		THAN MIỀN NAM	14/10	2639/10	21/10	FLJ777	CỤC XỔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
							CÁM 8A	1 400		1 400		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		DVVTQN	14/10	2654/10	21/10	QN 8259	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN TN
7		MV ANDROS SPIRIT	09/10	5201		CẨM PHẢ 20	TNK-Mozambique	3 900		3 900			
8		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 18	TNK-Mozambique	2 100		2 100			
III		KHO BẢO NGUYỄN						5 814	2 309	3 505			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						2 314	2 309	5			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	13/10	654/10	23/10	TB 1716	CẨM 5B.10	2 314	2 309	5	15/10	HỘ LỚN	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						3 500		3 500			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	12/10	651/10	22/10	HN 1809	CẨM 5B.10	3 500		3 500		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						22 804	7 209	15 595			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						7 255	7 209	46			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	14/10	2641/10	24/10	HOÀNG GIA 56	CỤC 4A.2	1 370	1 353	17	15/10	HỘ LỚN	
							CẨM 5A.1	1 715	1 711	4	15/10	HỘ LỚN	
2		VẬN TẢI THỦY	14/10	2635/10	21/10	HP 6739	BÙN TUYẾN 3C	1 070	1 061	9	15/10	TD	
3		KHO VẬN ĐÁ BẠC	14/10	2652/10	24/10	NB 8611	CẨM 6B.1	3 100	3 084	16	15/10	CHUYÊN VÙNG	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						4 885		4 885			
1		KDT MIỀN BẮC	14/10	2653/10	24/10	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
2		SX & TM THAN UÔNG BỈ	13/10	2632/10	20/10	BN 2519	CỤC ĐON 8A	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2498/9
3		VẬN TẢI THỦY	14/10	2643/10	21/10	QN 7535	CỤC ĐON 8A	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						10 664		10 664			
1		CROMIT CỎ ĐỊNH THANH HÓA	13/10	2625/10	23/10	NGUYỄN DƯỠNG 668	CẨM 5B.1	4 400		4 400		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	13/10	2631/10	23/10	HP 5806	CẨM 6B.1	5 064		5 064		PTCB	
3		THÁI SƠN HP	13/10	2628/10	20/10	QN 8823	CỤC XÔ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2485/9
V		TÀU XUẤT KHẨU						50 000	-	50 000			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						50 000		50 000			

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		SINGAPORE	9/9	6331		MV LMZ PHOEBE	CỤC 4B.3 (1,43)	25 000		25 000			KVĐB: 50.000
							CỤC 4B.3 (1,75)	25 000		25 000			
VI	TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				37 500	23 614	13 886			
	Tàu đã làm hàng							24 500	23 614	886			
1		MOZAMBIQUE	08/10	7054		MV ANDROS SPIRIT	Than xx Mozambique	24 500	23 614	886	15/10		TTCO: 10.595,01 KVCP: 13.018,99
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							13 000		13 000			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000

